TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **64**/2025/HNGĐ - ST Ngày 17 - 12 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thanh

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST - HNGĐ ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 045193000022.

ĐKHKTT: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/8/1987 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038087038973.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2025, bản tự khai ngày 20/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Quảng Trị nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 28 tháng 5 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến

tháng 3 năm 2022 chị đi xuất khẩu lao động thì đến tháng 5/2022 anh D ở nhà cũng bỏ đi. Kể từ thời điểm đi đến nay anh D không liên hệ về với gia đình và vợ con. Những người thân trong gia đình không biết anh D ở đâu. Sau khi anh D bỏ đi, chị và gia đình đã tìm kiếm anh D bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không có tin tức xác thực gì về anh D hiện nay đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì vậy, chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh Nguyễn Văn D mất tích. Ngày 19/8/2025, Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố mất tích đối với anh Nguyễn Văn D. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho chị và các con chị đề nghị Tòa án căn cứ vào Quyết định tuyên bố mất tích và tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn D để giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn D có 2 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 02/02/2014 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/02/2020. Hiện nay 2 con đang ở với chị. Các con đều phát triển bình thường về thể lực và trí tuệ. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/10/2025 bà Phạm Thị R là mẹ đẻ của anh D trình bày:

Anh Nguyễn Văn D là con trai của bà, kết hôn với chị Trần Thị L vào năm 2012. Anh chị có đăng ký thường trú tại thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ con dẫn đến nợ nần. Cũng từ nguyên nhân nợ nần nên chị L phải đi làm ăn xa. Anh D ở nhà đến đầu năm 2022 thì bỏ đi. Anh D đi đâu, làm gì gia đình bà không biết, không liên lạc với gia đình bà. Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố mất tích đối với anh Nguyễn Văn D. Đến nay gia đình bà vẫn không có tin tức gì về anh D. Nay chị L xin ly hôn anh D gia đình bà đồng ý cho chị L được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị L và anh D có 2 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 02/02/2014 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/02/2020. Hiện nay 2 con đang ở với chị L. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giao 2 cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh D không có tài sản và nợ chung.

* *Tại phiên tòa*: Chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã bị Tòa án quyết định tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST - VDS ngày 19/8/2025 và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 02/02/2014 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa nên chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

- Chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn D đã bị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST - VDS ngày 19/8/2025 và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị L và anh D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn D dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh D đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2022 đến nay và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST - VDS ngày 19/8/2025. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh D là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh D có 2 con chung là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 02/02/2014 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/02/2020. Hiện nay 2 con đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con. Cháu Nguyễn Hoàng Q cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Đối với anh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con cần giao 2 con cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị L xin ly hôn với người đã mất tích, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao 2 con là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 02/02/2014 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/02/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001107 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà